TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/DS-ST
Ngày 27 - 9 - 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Phạm Thiên Viết.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2024/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Long C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn H và bà Nông Thị B;

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Hà V, sinh năm 1996,

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Long C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình anh Nguyễn Văn D có Đại lý kinh doanh buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Trong năm 2022 vợ chồng anh H, chị B có mua phân bón và còn nợ lại số tiền là 22.645.000đ. Cụ thể: Ngày 23/5/2022 anh H mua phân bón và nợ số tiền là 18.425.000đ, cùng ngày 23/5/2022 chị B mua phân bón và nợ tiếp số tiền 3.200.000đ. Đến ngày 16/7/2022 anh H mua tiếp phân bón và nợ tiếp số tiền là 1.020.000đ. Hai bên có viết giấy chốt số tiền còn nợ là 22.645.000đ và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Anh H, chị B hẹn đến ngày 30/12/2022 sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi suất nhưng ngày 31/12/2022 anh H, chị B chỉ ra chốt lại số tiền gốc còn nợ là 22.645.000đ và tiền lãi suất 1,5%/tháng tính từ lúc mua phân đến ngày 31/12/2022 thành tiền là 2.354.000đ.

Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh Nông Văn H, chị Nông Thị B phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh D, chị V số tiền nợ gốc là 22.645.000 đồng và 2.354.000đ tiền lãi suất tính đến ngày 31/12/2022 và tiếp tục tính lãi là 1,5%/tháng trên tổng số tiền gốc 22.645.000đ từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm xét xử ngày 27/9/2024, tương đương 21 tháng 27 ngày (làm tròn 21 tháng) với số tiền là 7.133.000đ. Như vậy, tổng số tiền anh H, chị B phải trả cho vợ chồng anh D là 32.132.000đ, trong đó tiền gốc là 22.645.000đ, tiền lãi là 9.487.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nông Văn H, chị Nông Thị B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị V trình bày: Gia đình chị có đại lý kinh doanh buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhưng chồng là anh Nguyễn Văn D đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Số tiền anh Nông văn H, chị Nông Thị B nợ tiền mua phân bón là tài sản chung của gia đình. Do vậy, chị yêu cầu anh Nông Văn H, chị Nông Thị B phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc và tiền lãi theo như anh D đã yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán và thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố

tụng chấp hành quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là anh Nông văn H, chị Nông Thị B vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 4 Điều 177, Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 453 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Buộc anh Nông văn H, chị Nông Thị B phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Võ Thị Hà V tổng số tiền 32.132.000đ, trong đó số tiền gốc là 22.645.000đ và số tiền lãi là 9.487.000đ.

Về án phí: Buộc anh Nông Văn H, chị Nông Thị B phải chịu 1.606.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của anh Nguyễn Văn D, về việc yêu cầu anh Nông Văn H, chị Nông Thị B trả số tiền gốc 22.645.000 đồng và tiền lãi suất do nợ tiền mua phân bón theo giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2022 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nông Văn H, chị Nông Thị B là bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại: Thôn 6, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 22.645.000 đồng và tiền lãi suất. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, tuy đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn vẫn

vắng mặt và không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn khẳng định giấy xác nhận chốt công nợ vào ngày 31/12/2022 và những lần mua phân bón còn nợ tiền bị đơn có ký xác nhận là chứ ký, chữ viết của bị đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Do bị đơn vắng mặt nên không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh đã trả nợ được cho nguyên đơn khoản tiền nào nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ gốc là 22.645.000đ theo giấy xác nhận nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất: Tại giấy xác nhận nợ có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, mức lãi suất 1,5%/tháng các bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi suất là 2.354.000đ tính từ ngày bị đơn nợ tiền phân bón đến ngày 31/12/2022 và tiếp tục tính lãi 1,5% trên tổng số tiền gốc 22.645.000đ từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm xét xử ngày 27/9/2024 là 21 tháng 27 ngày *(nguyên đơn đề nghị làm tròn 21 tháng)* với số tiền là 7.133.000đ. Như vậy, tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 9.487.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Buộc anh Nông Văn H, chị Nông Thị B phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Võ Thị Hà V *(chị V là vợ của anh D, quá trình giải quyết vụ án anh D, chị V đều thừa nhận số tiền anh H, chị B còn nợ tiền phân bón là tài sản chung của vợ chồng)* tổng số tiền 32.132.000đ, trong đó số tiền gốc là 22.645.000đ và số tiền lãi là 9.487.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 4 Điều 177, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 453 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D đối với anh Nông Văn H, chị Nông Thị B.

Buộc anh Nông Văn H, chị Nông Thị B phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Võ Thị Hà V tổng số tiền là 32.132.000đ *(Ba mươi hai triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng)*. Trong đó số tiền gốc là 22.645.000đ *(Hai mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* và 9.487.000đ *(Chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng)* tiền lãi suất.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Nông Văn H, chị Nông Thị B phải chịu 1.606.000đ *(Một triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn D được nhận lại 816.000 đồng (*Tám trăm mười sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007767 ngày 29/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Văn Nhu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.